TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2051/2023/DS-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hòa Bình

2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 29/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 0106/2021/TLST-DS ngày 15/01/2021, về việc: Tranh chấp về đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2023/QĐXX-ST ngày 23/08/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 444/2023/QĐST-DS ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Ngọc N (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 7, Thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Hợp tác xã nhà ở N (Vắng mặt)

Địa chỉ: 43 đường TQC, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện pháp luật: Ông Khuất Duy T (Vắng mặt)

Địa chỉ: 43 đường TQC, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là ông Phan Ngọc N trình bày:

Ngày 02/01/2018, Hợp tác xã nhà ở N có thỏa thuận và ban hành Quyết định số 02/2018/QĐ-HTX, căn cứ vào nội dung trong quyết định tôi (Phan Ngọc N được Hợp tác xã nhà ở N giao nhiệm vụ để thực hiện các công việc như sau:

Thay mặt HTX nhà ở N tiếp quản, trong coi toàn bộ dự án trồng cây lãi + phượng tím mà HTX đã ký hợp đồng só 10/2017/HĐLĐ-HTX ngày 23/8/2017 với

ông Khuất Duy T và ông Nguyễn Văn Th đang thực hiện tại địa chỉ ấp Tân Lập 2, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Chịu trách nhiệm về chăm sóc vườn cây

Chịu trách nhiệm quản lý tài chính, quản lý tài sản, quản lý người làm, an ninh trật tự, mua sắm vật tư, lập sổ nhật ký thu chi, theo dõi công việc.

Được lập kế hoạch sản xuất kinh doanh trên trên diện tích đất dự án không thwujc hiện hết trong khuôn khổ thành lập, xây dựng trang trại nhà vườn, mua bán cây cảnh, khai thác vật liệu, vv…trên cơ sở hợp tác liên doanh, hai bên cùng có lượi (các dự án này chỉ được thực hiện khi đã thông qua có sự nhất trí của cả hai bên).

Kết hợp cùng hợp tác xã tìn gaiir quyết đầu ra + đầu vào trong trường hợp sản phẩm của dự án khó khăn.

Được hưởng 10% (mười phần trăm) lợi nhuận khi dự án có nguồn thu và được nhận 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) mỗi tháng để trả lương người trông coi và công tác phí.

Được lập báo cáo kịp thời, chính xác và chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc HTX.

Căn cứ vào nội dung trong quyết định nêu trên từ tháng 01/2018 đến tháng 9/2018 dưới sự chỉ đạo của giám đốc là ông Khuất Duy Nh, ông đã tự bỏ tiền túi ra mau phân bón, thuê nhân công dọn dẹp, trồng cây, lắp đặt Camera, trả tiền công cho người làm vườn…theo kế hoạch của hợp tác xã. Tuy nhiên đến ngày 29/09/2018, Hợp tác xã thông báo chấm dứt công việc với tôi.

Căn cứ vào biên bản cuộc hợp ngày 29/09/2018, phía Hợp tác xã tín nhiệm đã xác nhận tính hết tháng 9/2018, còn nợ lại ông Phan Ngọc N với số tiền 82.327.000 đồng (Tám mươi hai triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn đồng và 12.600.000 tiền gắn 04 camera. Tổng số tiền mà Hợp tác xã nhà ở T còn thiêu ông Phan Ngọc N là 94.927.000 đồng.

Tuy nhiên, từ đó đến nay phía Đại diện pháp luật - Hợp tác xã nhà ở N vẫn không thanh toán số tiền còn nợ cho ông, bản thân ông đã nhiều lần liên lạc với Hợp tác xã và đại diện pháp luật, tuy nhiên vẫn không được thanh toán.

Ngoài ra, tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2020, nguyên đơn có đưa ông Nguyễn Văn Th vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 05/07/2022, nguyên đơn ông Phan Ngọc Năm xác nhận chỉ khởi kiện với bị đơn là Hợp tác xã N, và đề nghị Tòa án không đưa ông Nguyễn Văn Th vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn và đại diện pháp luật ông Khuất Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện và các bản tự khai đã nộp cho Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 29/09/2018 xác nhận Hợp tác xã nhà ở N còn nợ lại ông Phan Ngọc N số tiền tổng công là 94.927.000 đồng, trong biên bản có chữ ký của ông Nguyễn Văn Th, ông Khuất Duy Nh và bà Phạm Thị Ng. Như vậy có cơ sở xác nhận Hợp tác xã nhà ở N hiện đang còn nợ ông Phan Ngọc N số tiền 94.927.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Do yêu cầu của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 đây là tranh chấp đòi lại tài sản. Theo Công văn số 2659/UBND-KT ngày 08/08/2022, về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ về Hợp tác xã nhà ở N do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: "Hợp tác xã nhà ở N đăng ký thành lập ngày 25/12/1997, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 0301385201, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02/10/2019; Trụ sở chính đặt tại: 43 Trần Quý Cáp, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại biên bản làm việc ngày 05/07/2022, nguyên đơn ông Phan Ngọc N xác nhận chỉ khởi kiện với bị đơn là Hợp tác xã N, và đề nghị Tòa án không đưa ông Nguyễn

Văn Th vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết đưa ông Nguyễn Văn Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Nguyên đơn, ông Phan Ngọc N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Bị đơn Hợp tác xã nhà ở N và đại diện pháp luật ông Khuất Duy T đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ, các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, giấy triệu tập đến tòa trình bày lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử + pho to Biên bản về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định hoãn phiên tòa. nhưng Bị đơn và Đại diện pháp luật: Ông Khuất Duy T đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình thông qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số 94,927,000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ ào biên bản cuộc hợp ngày 29/09/2018, có cơ sở xác định Hợp tác xã nhà ở N còn thiếu lại ông Phan Ngọc N số tiền nêu trên từ tháng 9 năm 2018. Do đó căn cứ vào quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Phan Ngọc N không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền nêu trên. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 4,746,350 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – ông Phan Ngọc N.

Buộc Đại diện pháp luật - Hợp tác xã nhà ở N phải trả cho ông Phan Ngọc N số tiền còn nợ là 94,927,000 đồng (Chín mươi bốn triệu chín trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

Phương thức thanh toán: Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Hợp tác xã nhà ở N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 4,746,350 đồng, Đại diện pháp luật - Hợp tác xã nhà ở N phải nộp.

Ông Phan Ngọc N không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0005926 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cho ông Phan Ngọc N.

3. Về quyền kháng cáo: ông Phan Ngọc N, Đại diện pháp luật - Hợp tác xã nhà ở N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Lan Phương